

## Bắt kịp xu hướng thời trang xanh

### MUA [+28%]

Giá hợp lý

39,050 VND

Giá hiện tại

30,600 VND

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)

94

Free float (triệu)

42.3

Vốn hóa (tỷ VND)

2,982.82

KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)

75,200

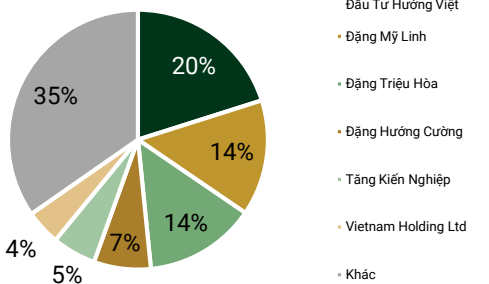
Sở hữu nước ngoài (%)

16.44%

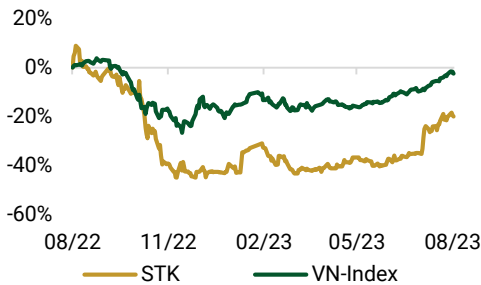
Ngày niêm yết đầu tiên

30/09/2015

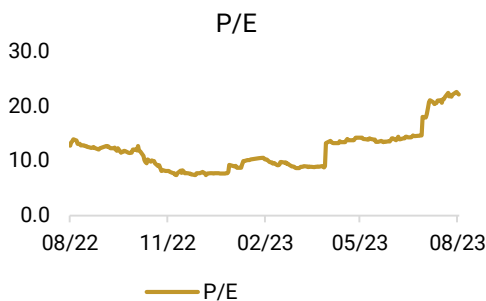
### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



### BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



### LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Ngày cập nhật:

07/08/2023

**Kết quả kinh doanh 1H2023:** Lũy kế 6T2023, doanh thu thuần của STK giảm 40.6% YoY đạt 695 tỷ đồng, hoàn thành 32% kế hoạch doanh thu năm 2023. LNST cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh 73.4% YoY còn 39 tỷ đồng, hoàn thành 15% kế hoạch năm 2023. Trong đó, kết quả kinh doanh Q2/2023 đã cho thấy dấu hiệu phục hồi tích cực khi doanh thu đạt 407 tỷ đồng (+41.5% QoQ) và LNST cũng tăng trưởng mạnh đạt 37.5 tỷ đồng (+2,203.1% QoQ) nhờ mức nền thấp ở Q1/2023. Vào cuối Q1/2023, STK đã đưa nhà máy Củ Chi vào hoạt động lại, tính đến tháng 7/2023, tổng công suất hoạt động của STK đạt khoảng 60%.

### Điểm nhấn đầu tư:

**Chiến lược phát triển sợi tái chế tạo động lực tăng trưởng dài hạn:** Theo xu hướng bảo vệ môi trường, các nhãn hàng đang có xu hướng giảm thiểu "thời trang nhanh", chuyển dịch sang sản xuất các sản phẩm dệt may thân thiện với môi trường đã tạo ra nhu cầu ngày càng cao cho sản phẩm sợi tái chế. Theo đó, các nhãn hàng thời trang, thể thao lớn như Adidas, Walmart, H&M,... đều cam kết hành động chống biến đổi khí hậu và sử dụng sợi tái chế đạt tỷ lệ 50% - 100% đến năm 2025. Do biên lợi nhuận mảng sợi nguyên sinh ngày càng thu hẹp, STK có chiến lược giảm tỷ trọng sợi nguyên sinh và tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 70% doanh thu vào năm 2025, đây sẽ là động lực tăng trưởng dài hạn cho sản xuất sợi tái chế của STK.

**Dự án nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex sẽ giúp STK đón đầu xu hướng thời trang xanh:** Nhà máy mới tại Tây Ninh với tổng công suất là 60,000 tấn/năm, gấp đôi công suất hiện tại, được chia làm 2 giai đoạn (giai đoạn 1: 36,000 tấn/năm; giai đoạn 2: 24,000 tấn/năm). Nhà máy tập trung sản xuất sợi DTY, sợi tái chế, các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao. Hiện STK đang thực hiện giai đoạn 1 của Unitex, dự kiến hoàn thành xây dựng vào cuối Q1/2024 và đưa vào hoạt động vào Q2/2024 để phục vụ cho đơn đặt hàng vào mùa thu đông 2024. Do nhu cầu tiêu thụ còn yếu, chúng tôi kỳ vọng STK sẽ vận hành nhà máy Unitex giai đoạn 1 với công suất đạt khoảng 30%, nâng tổng công suất của các nhà máy lên 20% vào năm 2024. Giai đoạn 2 của nhà máy Unitex dự kiến triển khai vào năm 2026 và đưa vào hoạt động vào năm 2027.

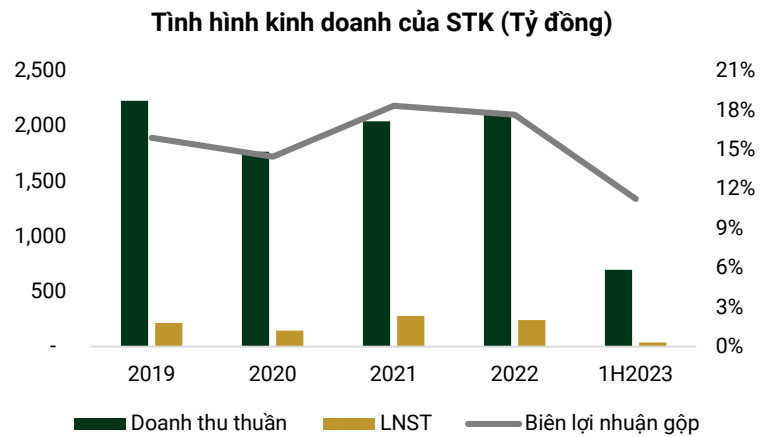
**Định giá & khuyến nghị:** Xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam đã bắt đầu có diễn biến tích cực hơn trong Q2/2023 khi sản lượng xuất khẩu xơ sợi tăng 31.8% QoQ đạt 458 nghìn tấn. Tuy nhiên, với kết quả kinh doanh vào Q1/2023 thấp do nhu cầu tiêu thụ yếu, chúng tôi dự phóng thận trọng doanh thu thuần của STK năm 2023F đạt 1,590 tỷ đồng (-24.8% YoY). Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp năm 2023F sẽ giảm xuống mức 15.2% do (1) công ty giảm giá bán để đẩy hàng tồn kho, (2) kỳ vọng xu hướng giảm nhẹ của giá PET chip. Qua đó, LNST năm 2023F đạt 152 tỷ đồng (-37.4% YoY). Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu STK là 39,050 đồng/cổ phiếu. Do đó đưa ra khuyến nghị **Mua** cho STK với upside so với giá hiện tại là 28%.

**Rủi ro:** (1) Rủi ro nguồn nguyên liệu. Ngoài ra công ty còn có những rủi ro sau: (2) Rủi ro tỷ giá hối đoái; (3) Rủi ro pha loãng; (4) Rủi ro lạm phát làm giảm tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu; (5) Rủi ro nợ vay.

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	2,408	2,229	1,766	2,042	2,115	1,590
LNST (tỷ VND)	178	214	144	278	242	152
EPS (VND)	2,976	3,163	2,041	3,937	2,961	1,611
Tăng trưởng EPS (%)	79%	6%	-35%	93%	-25%	-46%
Giá trị sổ sách (VND)	15,167	15,314	15,309	17,801	18,835	20,058
P/E	5.0	6.5	8.3	10.5	15.5	24.2
P/B	1.0	1.3	1.1	2.3	2.4	1.9
Cổ tức (VND)	15%	15%	15%	15%	15%	N/A

## Kết quả kinh doanh 1H2023

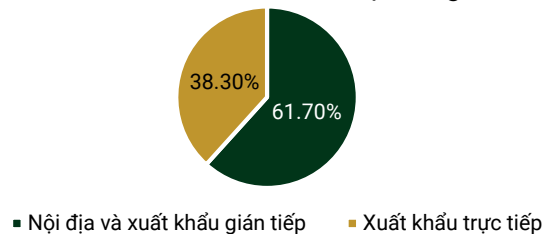
Tiếp nối đà sụt giảm từ 2H2022 do áp lực từ lạm phát làm nhu cầu tiêu thụ suy yếu và hàng tồn kho tăng cao, kết thúc 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần của STK giảm 40.6% YoY đạt 695 tỷ đồng, hoàn thành 32% kế hoạch doanh thu năm 2023. Lợi nhuận sau thuế cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh 73.4% YoY còn 39 tỷ đồng, hoàn thành 15% kế hoạch năm 2023. Trong đó, kết quả kinh doanh Q2/2023 đã cho thấy dấu hiệu phục hồi tích cực khi doanh thu đạt 407 tỷ đồng (+41.5% QoQ) và LNST cũng tăng trưởng mạnh đạt 37.5 tỷ đồng (+2,203.1% QoQ) nhờ mức nền thấp ở Q1/2023.



(Nguồn: STK, PHS tổng hợp)

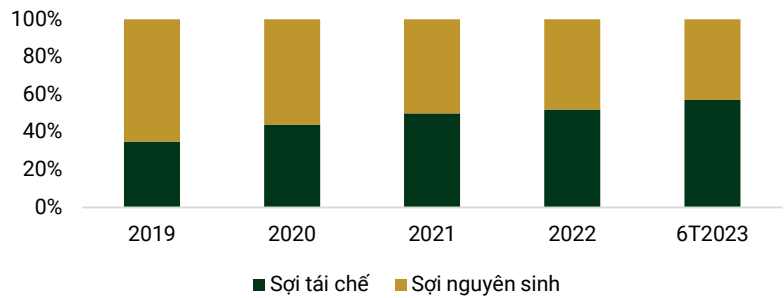
Trong nửa đầu năm 2023, STK đã có thêm 28 khách hàng mới và ghi nhận doanh thu bán hàng nội địa và xuất khẩu gián tiếp chiếm 61.7% doanh thu thuần đạt 429 tỷ đồng, trong khi doanh thu xuất khẩu trực tiếp đóng góp gần 266 tỷ đồng. Ngoài tệp khách hàng chính là Thái, Nhật, Hoa Kỳ, công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm với khách hàng từ Châu Âu để tận dụng lợi thế của EVFTA dù vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm sản phẩm.

### Cơ cấu doanh thu theo thị trường



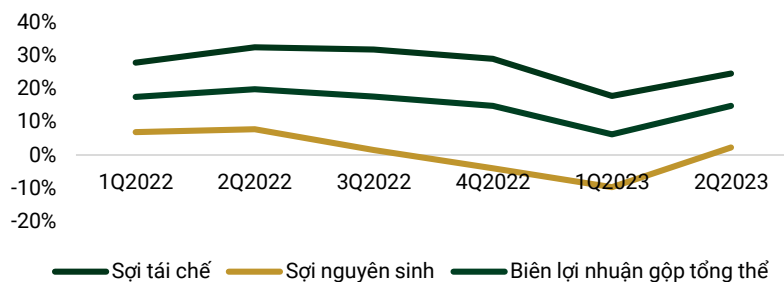
(Nguồn: STK, PHS tổng hợp)

Doanh thu sợi tái chế vẫn là động lực tăng trưởng của STK trong 6T2023. Cụ thể, tỷ trọng sợi tái chế của STK chiếm 57% doanh thu thuần, tương đương gần 397 tỷ đồng. Trong khi đó, tỷ trọng sợi nguyên sinh trong 6T2023 sụt giảm xuống mức 43% từ mức 48% trong năm 2022, đạt gần 299 tỷ đồng.

**Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm**


(Nguồn: STK, PHS tổng hợp)

Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của cả 2 mảng kinh doanh đều ghi nhận sự sụt giảm. Biên lợi nhuận gộp của sợi tái chế giảm từ 32.5% trong Q2/2022 xuống 24.6% trong Q2/2023 do giá bán trung bình giảm 5.66% YoY trong khi giá hạt nhựa PET, nguyên liệu chính của sợi tái chế, tăng 2.67% YoY. Trong khi đó, biên lợi nhuận gộp của sợi nguyên sinh cũng giảm xuống mức 2.3% trong Q2/2023 từ mức 7.8% trong Q2/2022 do sản lượng sụt giảm 33.54% YoY cùng với giá bán trung bình giảm 1.86% YoY. Do đó, biên lợi nhuận gộp tổng thể trong Q2/2023 giảm xuống 14.8%, thấp hơn mức 19.8% vào Q2/2022 nhưng đã cải thiện đáng kể từ mức 6.2% trong Q1/2023 nhờ sản lượng tăng mạnh 48.05% QoQ và giá hạt nhựa PET giảm mạnh 17.37% QoQ. Trong Q2/2023, công ty cũng đã nỗ lực thu hút những đơn hàng có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là đơn hàng sợi tái chế từ khách hàng Nhật Bản có giá bán và lợi nhuận tốt hơn. Trong tương lai, STK tiếp tục duy trì chiến lược phát triển và gia tăng tỷ trọng sợi tái chế trong cơ cấu doanh thu.

**Biên lợi nhuận gộp theo sản phẩm**


(Nguồn: STK, PHS tổng hợp)

Biên lợi nhuận ròng của STK giảm xuống mức 5.6% trong 6T2023 từ mức 12.6% vào 6T2022. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đã được thu hẹp lại còn 3.2 tỷ đồng (tương đương 0.5% doanh thu thuần) nhờ tỷ giá VND/USD duy trì ổn định vào 1H2023. Trong khi đó, lãi tiền gửi trong kỳ đạt 7.5 tỷ đồng, chi phí lãi vay tăng vọt lên 8.6 tỷ đồng do huy động vốn để thực hiện dự án nhà máy Unitex. Đến cuối Q2/2023, STK có khoản nợ USD với giá trị gốc đạt 15.3 triệu USD (15.7% tổng tài sản). Trong đó, các khoản vay lớn nhất gồm 8.1 triệu USD từ ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (53% tổng nợ vay ngắn hạn, 8% tổng tài sản) và 6.8 triệu USD từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (44% tổng nợ vay ngắn hạn, 7% tổng tài sản).

## Dự phóng kết quả kinh doanh 2023

Xuất khẩu xơ sợi của Việt Nam đã bắt đầu có diễn biến tích cực hơn trong Q2/2023 khi sản lượng xuất khẩu xơ sợi tăng 31.8% QoQ đạt 458 nghìn tấn sau chuỗi ngày giảm sút từ Q2/2022. Do sản phẩm sợi thường phản ứng với điều kiện kinh doanh sớm hơn các sản phẩm cuối nguồn như vải, may, chúng tôi kỳ vọng STK cũng sẽ phục hồi sớm hơn các doanh nghiệp may mặc khác. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng các tín hiệu phục hồi của STK khá mạnh nhưng với tiến độ chậm từ nửa cuối năm 2023 nhờ (1) lạm phát tại các thị trường xuất khẩu hạ nhiệt, (2) nhu cầu tiêu thụ quay trở lại khi khách hàng bổ sung hàng tồn kho cho vụ xuân, hè 2024, (3) giá PET chip - nguyên liệu đầu vào chính của STK duy trì xu hướng giảm nhẹ.

Với kết quả kinh doanh thấp vào Q1/2023 do nhu cầu tiêu thụ yếu cùng hàng tồn kho vẫn ở mức cao, chúng tôi dự báo doanh thu thuần năm 2023F của STK giảm 24.8% YoY đạt 1,590 tỷ đồng, trong khi đó, lợi nhuận sau thuế giảm 37.4% YoY đạt 152 tỷ đồng. Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp năm 2023F sẽ giảm xuống mức 15.2% do (1) công ty giảm giá bán để đẩy hàng tồn kho, (2) kỳ vọng xu hướng giảm nhẹ của giá PET chip.

Thêm vào đó, chúng tôi vẫn tin tưởng vào triển vọng dài hạn của STK nhờ:

- (1) Chiến lược phát triển sợi tái chế tạo động lực tăng trưởng dài hạn
- (2) Dự án nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex sẽ giúp STK đón đầu xu hướng thời trang xanh

## Định giá và khuyến nghị

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền (Discounted Cash Flow) và EV/EBITDA, chúng tôi ước tính giá hợp lý đối với STK là 39,050 VNĐ/CP. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **Mua** cho STK, với upside so với giá hiện tại là 28%.

### Chiết khấu dòng tiền

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	178	286	366	397	412
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	160	257	329	357	371
Khấu hao	140	169	199	199	206
WC	84	(51)	(63)	(76)	(63)
CAPEX	(668)	(549)	(226)	(86)	(57)
FCFF	(283)	(173)	239	394	458
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 10.4%)	(256)	(142)	177	265	279
Giá trị hiện tại của giá trị cuối cùng (3.0% g)	3,897				
Nợ ròng	(130)				
Giá trị vốn cổ phần	4,091				
SLCP	94,095,274				
Giá cổ phiếu trước chiết khấu	43,473				
Chiết khấu rủi ro nguồn nguyên liệu	10%				
<b>Giá hợp lý (VNĐ/CP)</b>	<b>39,126</b>				

Phương pháp EV/EBITDA	
EV/EBDA ngành	11.9x
EV (tỷ đồng)	3,785
Nợ ròng (tỷ đồng)	(130)
Giá trị vốn cổ phần (tỷ đồng)	3,655
SLCP	94,095,274
<b>Giá hợp lý (VNĐ/CP)</b>	<b>38,847</b>

	DCF	EV/EBITDA	Giá hợp lý
<b>Giá hợp lý (VNĐ/CP)</b>	<b>39,126</b>	<b>38,847</b>	<b>39,070 VNĐ/cp</b>
<b>Tỷ trọng</b>	80%	20%	

## Sơ lược công ty



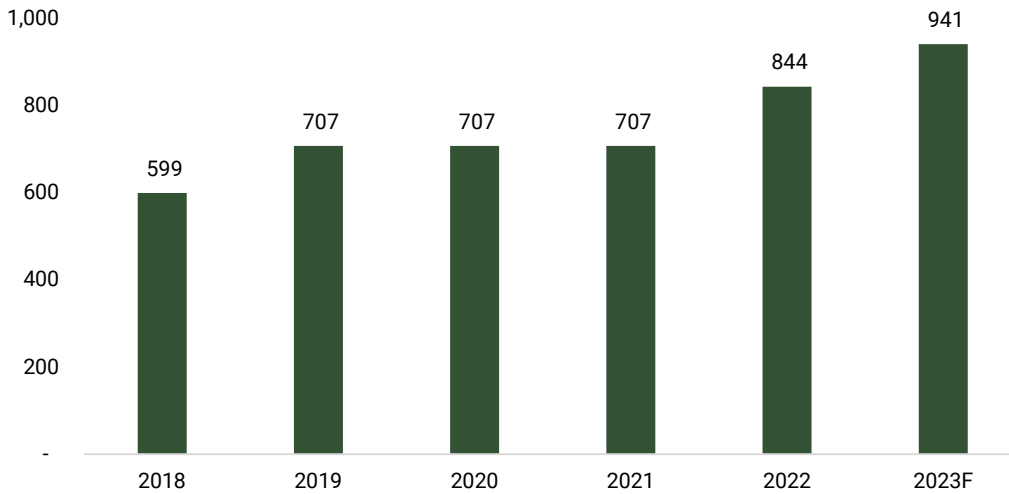
Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ được thành lập năm 2000. Hoạt động sản xuất chính của công ty là sản xuất sợi tơ tổng hợp, dệt kim. Công ty hiện đang cung cấp các sản phẩm: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY. Sản phẩm của công ty được xuất khẩu chủ yếu sang châu Âu (Thổ Nhĩ Kỳ) và châu Á. Công ty cũng là nhà cung cấp cho các doanh nghiệp dệt may như Nike, Adidas, Uniqlo và Puma. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2004. Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015.

2004: Công ty tiến hành cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

2015: Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

### Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)

#### Vốn điều lệ (Tỷ VND)



(Nguồn: STK, PHS dự phóng)

## Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
Doanh thu thuần	2,408	2,229	1,766	2,042	2,115	1,590
Giá vốn hàng bán	(2,073)	(1,875)	(1,510)	(1,668)	(1,741)	(1,349)
Lợi nhuận gộp	335	354	255	374	373	241
Chi phí bán hàng	(34)	(27)	(24)	(27)	(19)	(13)
Chi phí QLDN	(56)	(58)	(57)	(72)	(64)	(50)
Lợi nhuận từ HĐKD	245	269	174	276	290	178
Lợi nhuận tài chính	(42)	(21)	(10)	9	(19)	(10)
Chi phí lãi vay	(29)	(31)	(16)	(5)	(9)	(6)
Lợi nhuận trước thuế	199	253	164	286	269	169
Lợi nhuận sau thuế	178	214	144	278	242	152
LNST của cổ đông Công ty mẹ	178	214	144	278	242	152

Cân đối kế toán	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
<b>Tài Sản Ngắn Hạn</b>	<b>804</b>	<b>880</b>	<b>633</b>	<b>986</b>	<b>1,200</b>	<b>1,072</b>
Tiền và tương đương tiền	153	150	95	366	235	239
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45	80	26	-	180	135
Phải thu ngắn hạn	65	98	98	87	226	170
Hàng tồn kho	510	525	401	472	466	439
Tài sản ngắn hạn khác	31	26	14	61	93	89
<b>Tài Sản Dài Hạn</b>	<b>1,315</b>	<b>1,192</b>	<b>1,070</b>	<b>985</b>	<b>925</b>	<b>1,516</b>
Phải thu dài hạn	-	-	11	11	-	-
Tài sản cố định	1,179	1,048	914	807	731	1,299
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	2	1	1	24	41	61
Đầu tư tài chính dài hạn	2	2	8	6	14	16
Tài sản dài hạn khác	133	141	137	137	140	140
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>2,119</b>	<b>2,071</b>	<b>1,703</b>	<b>1,971</b>	<b>2,125</b>	<b>2,588</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,210</b>	<b>988</b>	<b>621</b>	<b>712</b>	<b>584</b>	<b>700</b>
Nợ ngắn hạn	862	824	569	712	584	700
Nợ dài hạn	348	164	52	0	0	0
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>909</b>	<b>1,083</b>	<b>1,083</b>	<b>1,259</b>	<b>1,541</b>	<b>1,887</b>
Vốn góp	599	707	707	707	844	941
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2,119</b>	<b>2,071</b>	<b>1,703</b>	<b>1,971</b>	<b>2,125</b>	<b>2,588</b>

Lưu chuyển tiền tệ	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	248	171	446	290	212	353
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(113)	(35)	41	30	(352)	(668)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(99)	(139)	(543)	(50)	10	318
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	36	(3)	(55)	271	(130)	3
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	117	153	150	95	366	235
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	153	150	95	366	235	239

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022A	2023E
<b>Tăng trưởng (%)</b>						
Doanh thu	21.0%	-7.4%	-20.8%	15.7%	3.5%	-24.8%
Lợi nhuận sau thuế	79.0%	20.2%	-32.7%	92.9%	-13.0%	-37.4%
Tổng tài sản	7.1%	-2.3%	-17.8%	15.7%	7.8%	21.8%
Tổng vốn chủ sở hữu	16.7%	19.1%	0.0%	16.3%	22.4%	22.5%
<b>Khả năng sinh lời (%)</b>						
Tỷ suất lãi gộp	13.9%	15.9%	14.5%	18.3%	17.7%	15.2%
Tỷ suất EBIT	10.2%	12.1%	9.9%	13.5%	13.7%	11.2%
Tỷ suất lãi ròng	7.4%	9.6%	8.2%	13.6%	11.5%	9.5%
ROA	8.4%	10.4%	8.5%	14.1%	11.4%	5.9%
ROE	19.6%	19.8%	13.3%	22.1%	15.7%	8.0%
<b>Hiệu quả hoạt động</b>						
Số ngày phải thu	10	16	20	15	38	38
Số ngày tồn kho	94	104	101	106	98	121
Số ngày phải trả	54	44	67	61	46	46
<b>Khả năng thanh toán</b>						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.93	1.07	1.11	1.39	2.06	1.53
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.34	0.43	0.41	0.72	1.26	0.90
<b>Cấu trúc tài chính</b>						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.57	0.48	0.36	0.36	0.27	0.27
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.33	0.91	0.57	0.57	0.38	0.37
Vay ngắn hạn/VCSH	0.95	0.76	0.53	0.57	0.38	0.37
Vay dài hạn/VCSH	0.38	0.15	0.05	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: PHS tổng hợp)



## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@pchs.vn / support@pchs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.pchs.vn

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân

Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị

Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân

Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801